

TÌM HIỂU CỔ VẬT ĐỒNG BẰNG CỬU LONG (Tiếp theo)

Phạm Hy Tùng Bách*

LTS: Nền văn hóa Óc Eo gắn liền với lịch sử phát triển vùng đồng bằng châu thổ hạ lưu sông Mêkông vào những thế kỷ đầu Công nguyên. Những di tích của nền văn hóa này được biết đến từ sau cuộc khai quật của nhà khảo cổ học người Pháp L. Malleret vào năm 1944 tại cánh đồng Óc Eo (xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang). Từ đó đến nay, nền văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam được nhiều học giả trong lẫn ngoài nước quan tâm nghiên cứu, tuy vậy vẫn còn nhiều vấn đề tranh cãi, nhiều luận điểm trái chiều chưa ngã ngũ. Để góp thêm một cách nhìn, từ số 2 (67). 2008, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* khởi đăng loạt bài của tác giả Phạm Hy Tùng Bách, dưới tiêu đề chung “*Tìm hiểu cổ vật đồng bằng Cửu Long*”.

PHẦN III: CỔ VẬT CHẠM, KHẮC

Bài 7: VỀ MỘT SỐ TƯỢNG NGƯỜI BẰNG CHÌ VÀ BẰNG ĐỒNG

Nói đến điêu khắc là phải nói đến tượng, như tượng thần linh, tượng người hay tượng loài vật. Riêng về loại hình *tượng người* thì mọi thống kê khảo cổ học Óc Eo hay các công trình khảo cứu đều cho rằng rất hiếm gặp và chúng đều là *tượng tròn được làm bằng đồng*. Một bài viết của TS Võ Sĩ Khải có đoạn:

“...Cho đến nay mới tìm thấy hai tiêu bản bằng đồng còn nguyên vẹn. Tiêu bản thứ nhất phát hiện ở Óc Eo là tượng người nô lệ hay kẻ tôi đòi... Tiêu bản thứ hai là tượng người nhảy múa tìm thấy ở Trà Vinh... có ý kiến cho rằng đây là tượng thần Poseidon làm tại Hy Lạp thuộc trường phái Lisipus và đã được đưa vào châu thổ sông Cửu Long ở một thời điểm khá sớm (O - Janse, 1958-1959)... Vào thời kỳ hậu Óc Eo, tại góc đường Lê Hồng Phong-Trần Hưng Đạo (TP Hồ Chí Minh), L. Malleret đã phát hiện một tượng đồng nhỏ của một nhân vật quỳ gối, hai tay nâng một cái chậu quá lớn...”⁽¹⁾

Được biết tiêu bản thứ nhất kể trên do L. Malleret tìm được vào năm 1944, tiêu bản thứ hai cũng do ông ta tìm ra nhưng sau đó người Pháp lấy đi và hiện bảo tàng Guimet-Paris lưu giữ. Vả lại, như vừa dẫn, có ý kiến cho rằng đó là *tượng người*, có ý kiến cho là *tượng thần* thì như vậy cho đến nay Nhà nước ta sở hữu cả hai tác phẩm chắc chắn là *tượng người được làm bằng đồng, thuộc loại tượng tròn* là tượng “kẻ tôi đòi” thời kỳ Óc Eo và tượng “một nhân vật... hai tay nâng cái chậu” thuộc giai đoạn hậu Óc Eo.

Song vào cuối năm 1999, sau nhiều lần “đàm phán”, người viết lấy ra vài món gốm sứ cổ do phong kiến nước ta đặt làm tại Trung Hoa (thường gọi là đồ sứ Bleus de Hué) trong bộ sưu tập của mình đổi cho ông NVK, thu về một số cổ vật Óc Eo. Nhà sưu tập NVK nhiều lần khẳng định ông ta mua được tại An Giang - quê vợ - từ năm 1997 và rằng “chỉ ở Ba Thê mới có hàng “độc” như vậy”.

* Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong bài này và bài tiếp theo khi giới thiệu về những hiện vật này xin gọi nơi xuất xứ của chúng là ở *di chỉ Ba Thê*.

1. Tượng người bằng hợp kim chì - thiếc

Cả ba hiện vật dưới đây đều được làm bằng *hợp kim chì - thiếc* và đều là *tượng dẹt*, hai bên mặt trước mặt sau đều được chạm khắc hoa văn.

a. Tượng chiến binh thối kèn

Ảnh 1a: Là chiến binh đang trên lưng ngựa, phía dưới yên có tấm thảm vắt sang hai bên, thân mặc áo giáp, đầu đội mũ sắt có chóp nhọn (bị gãy), tay phải chiến binh cầm kèn đưa lên miệng thổi, ngang lưng thắt dây nịt to bản.

Ảnh 1b: Cho thấy rõ tay trái chiến binh ghì cương ngựa, mạn sườn trái đeo một thanh kiếm. Hiện vật bằng hợp kim chì thiếc nhưng do chôn vùi dưới đất lâu ngày bị phong hóa mục đen, cạnh dưới của cả bốn chân ngựa bị mất nhưng tư thế người ngồi trên yên và đầu ngựa hơi cúi xuống, lại thêm nhịp chân ngựa cho phép đoán định ngựa đang đi nước kiệu.



Ảnh 1a, 1b: Hai mặt của một tượng dẹt mô tả chiến binh La Mã thổi kèn.
Niên đại hiện vật có thể trước Công nguyên.

b. Chiến binh xung trận

Ảnh 2a: Nhân vật cũng được trang bị áo giáp như trên song người chiến binh này dường như cao tuổi hơn, không đội mũ, đuôi tóc dài quá vai rủ xuống ngang lưng, bên phải mạn sườn đeo thanh đoản kiếm. Ngựa chở chiến binh đang phi nước đại nên đầu vươn thẳng ra phía trước, bờm trên gáy cuộn cuộn sóng.

Ảnh 2b: Giúp ta nhận dạng rõ hơn sống mũi cao của người chiến sĩ và chân trái như đang đánh gót vào bụng dưới tuần mã. Tay trái hình nhân cầm cương, tuy rằng tay phải bị mất nhưng dấu vết còn lại trên ngực chứng tỏ rất có thể người kỵ sĩ đang cầm ngọn giáo lao vào trận chiến.



Ảnh 2a, 2b: Hai mặt của một tượng dẹt mô tả chiến binh La Mã xung trận
Niên đại hiện vật có thể trước Công nguyên.

c. Tượng võ sĩ

Ảnh 3a: Cho thấy một võ sĩ khuôn mặt người châu Âu với sống mũi cao mặc quần cộc, tay áo ngắn sát nách. Hình nhân hơi kiễng chân trái, chân phải tựa như chuẩn bị tung cú đá vì nét mặt được thể hiện hết sức chăm chú, hai bàn tay nắm chặt khiến bắp thịt hai bờ vai và cánh tay nổi cuộn.

Ảnh 3b: Càng rõ nét võ sĩ để đầu trần với mái tóc lượn sóng và dù là phía thân sau nhưng vẫn thể hiện tư thế nhân vật rất sinh động với cặp đùi, bờ mông săn chắc.



Ảnh 3a, 3b: Mặt trước và mặt sau của một pho tượng dẹt võ sĩ giác đấu La Mã thời cổ đại.
Niên đại hiện vật có thể trước Công nguyên.

Đáng chú ý trên đỉnh đầu và ngay dưới hai cánh tay pho tượng còn lưu lại 3 gờ nổi tròn hình chữ “O”. Đây chính là “ba via” còn lưu lại khi người xưa gỡ hai mặt khuôn đúc sau khi sản phẩm đã đông đặc và nguội hẳn. Tại sao số gờ nổi lại là 3? Ảnh 4 dưới đây là một mặt của cặp khuôn đúc (tìm thấy ở Tiền Giang) chế ra từ loại đá (không có ở đồng bằng Cửu Long) rất mịn hạt, có màu xanh xám. Quanh mép khuôn khoan sẵn lỗ ở 3 góc để chốt đỉnh định vị hai

mặt khuôn. Nếu chỉ 1 hay 2 chốt là không đủ, 4 chốt thì thừa và 3 thì không thừa không thiếu giúp hai mặt khuôn khớp nhau theo ý muốn và không bị xô dịch trong quá trình diễn ra thao tác đúc. Kim loại nóng chảy được đổ vào miệng khuôn, chảy lan xuống kẻ tạo thành “ba via” hình chữ “O” là như vậy.

So sánh ba hiện vật bằng hợp kim chì - thiếc (vốn không bị oxy hóa) kể trên với các hiện vật làm bằng hợp kim thiếc với các kim loại khác (dễ bị oxy hóa hơn) do L. Malleret thu được hiện do Bảo tàng Lịch sử Việt Nam TP Hồ Chí Minh (BTLSVN-TPHCM) lưu giữ sẽ thấy cả hai loại tuy bị chôn vùi ở cùng một điều kiện thổ nhưỡng là đồng bằng Cửu Long nhưng thấy đều



Ảnh 4: Một mặt của cặp khuôn đúc có khoan sẵn 3 lỗ làm bằng loại đá xanh xám. Lòng khuôn được khắc lõm 3 rãnh để tạo thành dòng chảy cho chất liệu đúc nên có thể khẳng định hiện vật là khuôn đúc chứ không phải là khuôn dập.

đều bị mủn, rạn vỡ, có lớp patin bọc bên ngoài giống nhau. Điều này có nghĩa là niên đại của ba tượng dẹt muộn nhất là vào đầu Công nguyên, thậm chí có thể là sớm hơn, tức trước Công nguyên.

Xác tín về niên đại của chúng như vừa nói càng được củng cố hơn nếu thừa nhận rằng hai tượng dẹt người - ngựa kể trên chính là tượng *chiến binh La Mã*. Nhận định này dựa vào mấy tiêu chí dưới đây:

- Các chiến binh và võ sĩ đều có mái tóc lượn sóng, sống mũi cao nên họ là *người châu Âu*.

- Nguyễn Phi Hoanh, nhà nghiên cứu lịch sử mỹ thuật thế giới cho biết, điều khắc của người La Mã thời xưa thiên về *phù điêu*, mà *theo phân loại thì phù điêu mang nhiều đặc điểm của loại hình tượng dẹt*.⁽²⁾

- X.I.Venetzki, Viện sĩ về kim loại học người Nga, qua tổng hợp một số kết quả khảo cổ học châu Âu nửa cuối thế kỷ XX đưa ra nhận xét là vào thời cổ đại người La Mã đặc biệt ưa dùng vật dụng làm bằng chì - kim loại hiếm thời bấy giờ - và đây chính là nguyên nhân khiến cho tuổi thọ của giới quý tộc La

Mã thời đó thấp hơn so với các nước lân cận. Bằng chứng là các nhà khoa học Mỹ, Canada đã phát hiện ra rằng hài cốt của người La Mã cổ đại có chứa một hàm lượng chì cao khác thường thế nên họ đã kết tội chì là kẻ diệt trừ đế chế La Mã.⁽³⁾

- Theo tài liệu lịch sử thế giới thời cổ đại thì ngay từ thế kỷ V trước Công nguyên, quân đội La Mã đã được tổ chức khá chặt chẽ bởi những quân chủng (riêng) hợp thành. Đây là một trong những nguyên nhân khiến cho vó ngựa



Ảnh 5: Tượng dẹt bằng hợp kim chì-thiếc mô tả một con tuần lộc.

trường chinh của họ tung hoành ngang dọc mấy thế kỷ liền. Và kỵ binh của xứ sở này thường trang bị áo giáp, giáo dài, đoản kiếm.⁽⁴⁾ Nói cách khác, hai chiến binh kể trên sử dụng quân trang quân dụng giống hệt kỵ binh La Mã thời kỳ trước Công nguyên. Từ đây lại cho phép chúng ta gọi tên chính xác hơn nữa cho tiêu bản võ sĩ (Ảnh 3a, 3b), đó chính là tượng *võ sĩ giác đấu La Mã*. Một điều thú vị nữa, cũng là tượng dẹt bằng hợp kim chì - thiếc về một con vật ở ảnh 5. Tuy rằng phần ngọn bộ sừng bị gãy mất do phong hóa

đường nét mô tả bộ lông úc và gốc sừng đồ sộ ở đỉnh hộp sọ khiến ta ngỡ rằng đó không phải là *huou*, mà là *tuần lộc* - một động vật không có ở xứ nhiệt đới như Ấn Độ, Pakistan hay cả thượng và hạ lưu sông Mê Kông song lại rất đông đúc ở Bắc Âu.

Nhưng một câu hỏi đặt ra là, liệu mấy tượng dẹt kể trên có phải xưa kia người La Mã đưa vào Ba Thê như trường hợp “... *tượng thần Poseidon làm tại Hy Lạp thuộc trường phái Lisipus và đã được đưa vào châu thổ sông Cửu Long ở một thời điểm khá sớm...*” (tức thế kỷ I sau Công nguyên) như học giả O-Janse nói về pho tượng tròn bằng đồng người Pháp đem về bảo tàng Guimet chẳng?

Chúng ta sẽ trở lại vấn đề nan giải này sau, nhưng trước hết luận điểm cũ của người viết bài này rằng: “...*hiện chưa có bằng cứ vững chắc về việc người Hy Lạp hay La Mã từng đặt chân đến đồng bằng Cửu Long vào những năm trước và đầu Công nguyên...*” trong bài viết số 6 (Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển số 1 (72). 2009) đã không còn... vững chắc nữa bởi sự xuất hiện những tượng chiến binh và võ sĩ giác đấu La Mã nói trên.

2. Tượng võ sĩ bằng đồng

Ảnh 6a dưới đây là một pho tượng tròn bằng đồng đỏ cũng thuộc di chỉ Ba Thê. Đồng đỏ là hợp kim của đồng (Cu) với thiếc (Sn) và đồng bằng Cửu Long thì không có mỏ đồng hay ít ra là chưa có tài liệu nào cho biết vào những thế kỷ đầu Công nguyên cư dân nơi này khai thác được đồng tự sinh để “pha chế” với thiếc là nguyên liệu có sẵn ở vùng đất kế cận (Malaysia) để tạo ra đồng đỏ. Quan sát kỹ hiện vật có mấy nhận xét sau.

a. Chất liệu: Tất cả các qua đồng, rìu đồng thu được ở Đồng Nai hiện tàng trữ tại BTLSVN-TPHCM đều có lớp patin phủ bên ngoài màu xanh dù là được khai quật tại vùng đất khô hay vớt lên từ dưới lòng sông, tuy sắc độ đậm nhạt có khác nhau. Nhưng pho tượng này chỉ hơi ánh xanh còn màu nâu xỉn là chủ đạo, đặc biệt nhất trên thân có chỗ có vệt bóng tựa như bôi dầu. Có ý kiến rằng khi luyện đồng đỏ người ta cho thêm... dầu vào hợp kim, tạo ra loại *đồng dầu* nên mới có độ bóng như vậy. Song có lý hơn cả là nếu tỷ lệ đồng tự sinh kết hợp với tỷ lệ thiếc thích hợp sẽ cho ra loại đồng đỏ có độ cứng, độ bền cao, độ đàn hồi lớn và quan trọng hơn cả là hợp chất ít bị ăn mòn, dễ rót đầy khuôn đúc. Có lẽ pho tượng đang bàn có



Ảnh 6a, 6b: Mặt trước và mặt sau của một tượng tròn (bằng đồng đỏ) mô tả một người luyện võ. Niên đại hiện vật có thể trước Công nguyên.

chất liệu như vậy. Cách nay 6.000 năm, loài người đã biết đến đồng đỏ và thương cảng cổ nhất Italia là Brundisi đã từng là trạm trung chuyển đồng khai thác được tại quốc gia này rồi đưa sang các nước lân bang trong đó có Hy Lạp là nơi tiêu thụ mạnh mẽ rồi tạo ra các tác phẩm điêu khắc nổi tiếng nhất từ thời cổ đại. Kỹ nghệ luyện đồng đỏ của Hy Lạp từ xa xưa đã đứng hàng đầu thế giới đồng thời người ta đã tính toán được rằng tỷ lệ đồng đỏ sử dụng cho điêu khắc so với chế tạo công cụ, vật dụng, vũ khí tại quốc gia này cao hơn hẳn so với các nước xung quanh.

b. Nghệ thuật tạo dáng: Nhà nghiên cứu hội họa Trần Hậu Tuấn (TP Hồ Chí Minh), tác giả của một số tập sách về các danh họa Việt Nam như Bùi Xuân Phái, Dương Bích Liên, Nguyễn Sáng... và nhà sưu tập LQL (cũng ở TPHCM) đều là võ sư môn phái Vĩnh Xuân, tuy quan sát pho tượng này ở hai thời điểm khác nhau nhưng đã có chung một nhận xét: *“Đây là tư thế võ, mở háng vuông góc thể này rất khó, rất chuẩn về nội công nên pho tượng rất có cảm xúc...”*. Thì ra là như vậy: chân phải của nhân vật hơi chùng còn chân trái đang ở tư thế nghỉ nhưng đùi trên (của chân trái) song song với mặt đất và vuông góc với cẳng dưới (ống quyển). Quan trọng hơn cả là toàn bộ phần thân trên và phần chân trái cùng nằm trên mặt phẳng, có nghĩa là háng của người võ sĩ được “mở” bởi chân trái rồi hợp cùng với chân phải tạo thành một góc 90°. Võ sư Trần Hậu Tuấn còn bổ sung: *“...tương quan với động tác kể trên, tay trái nhân vật chống xuống đùi, tay phải nắm chặt gờ cao gần ngang vai rồi quay mặt sang phải khiến cho thân của ánh mắt cũng hướng về phía đó, bộc lộ sức mạnh qua thủ pháp nội công nhưng nhìn kỹ lại thấy rất nhẹ nhàng thanh thoát ...”*

Võ sĩ có khuôn mặt trái xoan, mũi tẹt, cặp môi dày, thùy châu dài chảy xệ tới ngang cằm, nhìn phía sau thấy rõ nét mảnh vải quần quanh thân dưới và có dây buộc (ảnh 6b). Vài vệt “dầu” từ trong pho tượng ứa ra có màu nâu bóng tựa như xi cho phép đoán định niên đại hiện vật rất sớm, ít nhất là đầu Công nguyên nếu so với các đồ đồng khai quật ở Đồng Nai đã nói ở trên.

3. Tượng người quỳ - kẻ nô lệ, tôi đòi hay bậc tu hành?

Nhắc lại, tiêu bản tượng người bằng đồng do L. Malleret tìm thấy ở Óc Eo năm 1944, do BTL SVN-TPHCM lưu giữ được nhiều tài liệu khảo cứu gọi là *tượng người quỳ*. Vì là vật hiếm nên pho tượng được các nhà khoa học rất lưu tâm và có những nhận định gần thống nhất với nhau. Tuy nhiên nếu quan sát hiện vật kỹ càng có thể thấy suy luận của họ có gì đó không ổn và rất tiếc rằng vấn đề cũng vẫn là ở chỗ định danh. Ảnh 7 là hiện vật kể trên.



Ảnh 7: Tượng tròn bằng đồng đỏ (cao 10cm, ngang 17cm) do L. Malleret tìm thấy ở Óc Eo (1944), hiện do BTL SVN-TPHCM lưu giữ, mã số đăng ký 4421.

a. Ý kiến của các nhà khảo cổ học

- Trong tài liệu đã dẫn, TS Võ Sĩ Khải nhận xét đó là “...*tượng người nô lệ hay kẻ tôi đòi, cũng có thể là người ăn xin đang bò lê, chân trái duỗi thẳng ra đằng sau, gối phải xếp lại, bàn chân phải và tay trái chống xuống đất, cánh tay phải duỗi ra phía trước, tay cầm một khay nhỏ như đang dâng lễ vật hay cầu xin, mình chỉ quấn một tấm vải ngắn làm quần, buộc lại bằng một sợi dây thắt quanh bụng để lộ rốn. Nét mặt tròn, mũi tẹt, môi dày, tóc ngắn và xoăn, được diễn tả với nét hèn mọn và đau khổ. Tính hiện thực biểu hiện rất cao trên pho tượng này. Tiêu bản thứ hai là tượng người nhảy múa... nếu đây là tượng người nhảy múa thì ta thấy trong nghệ thuật làm tượng người ở thời đại Óc Eo cũng có hai khuynh hướng đối lập trong phong cách: hiện thực đơn thuần trên tượng người nô lệ và lý tưởng hóa trên tượng người nhảy múa...*”.

- Pierre-Yves Manguin, chuyên gia Trường Viễn Đông bác cổ Pháp phát biểu như sau: *Tượng người quỳ - Tượng mô tả người quỳ thấp, tay trái chống đất còn tay phải chìa ra như đang đưa một vật gì. Malleret cho rằng dáng người thô đậm, tóc xoăn và đóng khố nên đây có thể là tượng một nô lệ thuộc dân tộc thiểu số. Mặc dù có bằng chứng về sự phát triển trong việc buôn bán nô lệ ở Việt Nam song rất khó có thể thấy thêm được điều gì về bức tượng này. Dù rằng chất lượng của tượng không cao nhưng việc đúc đồng là một kỹ thuật rất khó, cần lượng đáng kể các nguyên vật liệu và thường được dùng để đúc tượng của những nhân vật quan trọng (hơn là trong trường hợp này).*⁽⁵⁾

Tựu trung, hai đoạn trích dẫn trên thể hiện quan điểm chung của ba nhà nghiên cứu L. Malleret, Võ Sĩ Khải, Pierre-Yves Manguin cho rằng pho tượng tròn bằng đồng nói trên của di chỉ Óc Eo hoặc là tượng người nô lệ, tôi đòi hoặc kẻ ăn mày thuộc chủng người bản địa, vì vậy nó mang một giá trị hiện thực cao phản ánh thực trạng xã hội đồng bằng Cửu Long vào đầu Công nguyên có những cư dân bản cùng bởi chế độ chiếm hữu nô lệ và họ đã gián tiếp xác định tượng người quỳ này đậm đà yếu tố nội sinh, tức do cư dân bản địa làm ra. Riêng Pierre-Yves Manguin thì tỏ ý băn khoăn rằng, thời bấy giờ xứ sở này khan hiếm đồng, kỹ nghệ đúc đồng đòi hỏi trình độ cao, có sao người ta không đúc tượng nhân vật quan trọng nào đó mà lại dựng lên hình tượng một nhân vật thuộc tầng lớp dưới?!

b. Thử tìm lời giải

Sau khi đã quan sát kỹ hiện vật xin trình bày như sau:

b.1. Về tư thế, do nhân vật “...*chân trái duỗi thẳng ra đằng sau, gối phải xếp lại...*” đúng như mô tả thì có lẽ không nên gọi là đang quỳ và càng không thể gọi là “bò lê”. Bàn tay phải “...*chìa ra như đang đưa một vật gì...*” thì có thể nhưng cho rằng “...*đang cầm một cái khay dâng lễ vật hay cầu xin...*” là chưa hữu lý. Chắc chắn rằng bàn tay và bàn chân nhân vật không được chạm khắc rõ nét các ngón nên đã gây ra sự ngộ nhận vừa nêu.

b.2. Về nhân chủng, Ấn Độ là một quốc gia phức tạp cả về ngôn ngữ lẫn chủng tộc và ở miền Bắc Ấn, vùng Cutia Nagpur từ thời thượng cổ có người Mund mang *đặc tính chủng tộc tóc xoắn, môi dày, mũi tẹt, người thấp và da bánh mật* chứ không phải chỉ riêng đồng bằng Cửu Long mới được tạo hóa ban cho đặc quyền này.

b.3. Về trang phục, trên mình nhân vật “...*chỉ quấn một tấm vải ngắn làm quần, buộc lại bằng một sợi dây thắt quanh bụng...*” thì thời thượng cổ người Ấn cũng ăn mặc như vậy, bởi lẽ họ có tập quán “*đeo và choàng*” (đeo đồ trang sức, choàng khăn thay thế áo quần). Vào lúc trời nóng họ chỉ dùng một mảnh vải quấn quanh thân dưới để che hạ bộ và buộc một sợi dây lưng gọi là paridhama. Phải đến thế kỷ I sau Công nguyên họ mới mặc quần theo mốt của tộc người Kushana từ Tây Bắc Ấn Độ tràn xuống.

Một vấn đề (có lẽ) mấu chốt là hình như các nhà khảo cổ học kể trên khi khảo sát pho tượng đã bỏ qua ba chi tiết quan trọng dưới đây:

- Xét về mặt giải phẫu học, số đo các bộ phận cơ thể của nhân vật như chiều cao toàn thân, chiều dài cả cánh tay, cả phần chân... so với nhau đều tương thích. Nói cách khác nhân vật không dị dạng theo cách tay dài quá đầu gối. Đó là chưa nói đến phần cơ bắp tay, chân, vai, đùi, hông không có vẻ tàn tạ của kẻ ăn xin đói khát, mà trái lại vừa có vẻ cường khí xung năng lại vừa gọn ghẽ.

- Ngực của nhân vật ưỡn thẳng cùng với khuôn mặt tạo thành một *mặt phẳng vuông góc với mặt đất* (nhấn mạnh - PHTB).

- Thùy châu dài tới cằm.

Từ mấy chi tiết kể trên cho phép khẳng định một người bình thường thực hành tư thế như pho tượng với cánh tay phải tỳ lên gối phải để chìa ra, “...*gối phải xếp lại...*” tạo thành một góc tù (chứ không phải góc vuông) lại thêm “...*chân trái duỗi thẳng ra phía sau...*”, *tay trái nếu không dài quá đầu gối* (đặc biệt nhấn mạnh - PHTB) thì không bao giờ và không ai có thể ưỡn để bộ ngực cùng với khuôn mặt tạo thành một mặt phẳng vuông góc với mặt đất cho được.

Giám định để đưa ra kết luận về tư thế của hình nhân đang bàn này là một công việc hết sức đơn giản, chỉ cần thực nghiệm mà thôi. Và có thể tin tưởng tuyệt đối rằng, một người bình thường rất khó làm được đúng tư thế pho tượng thể hiện nếu người ấy không có đôi tay dài quá đầu gối hoặc có những khả năng đặc biệt sau một quá trình tập luyện. Vậy phải tập luyện nội dung gì để có thể thực hiện đúng như trên? Câu trả lời là chỉ có Yoga - một hình thức tu luyện xuất hiện ở Ấn Độ vài trăm năm trước Công nguyên với triết lý riêng cổ xúy việc tham thiền khổ hạnh trong đó việc rèn luyện cơ thể phải theo một chế độ khắc nghiệt. Và pho tượng đồng này thể hiện một người đang trong tư thế vận động rèn luyện cơ thể khác hẳn với bình thường. Cử chỉ chia bàn tay của nhân vật có lẽ biểu thị lời nguyện hiến

dâng chứ không phải “...đang đưa một vật gì...” (Pierre-Yves Manguin) càng không phải “...cầm một cái khay... cầu xin...” (Võ Sĩ Khải) cho nên phải đặt cho nó cái tên *người tu hành* hay *tu sĩ* mới đúng. Bởi xét cho cùng *tu* là làm theo một khuôn khổ hay một chế độ luyện tập nào đấy, khác hẳn với bình thường. Luyện tập võ nghệ nâng cao sức mạnh cơ bắp là *tu thể xác*, luyện tập trí tuệ và tinh thần theo một ý nghĩa nào đó là *tu về tư tưởng*. Như vừa nói Yoga của Ấn Độ đòi hỏi chế độ luyện tập khổ hạnh về thân xác đồng thời luyện sự tập trung tư tưởng cao độ, xác tín một điều duy nhất sẽ trút bỏ ham muốn (dục vọng) do giác quan đưa tới để đạt được sự trong sạch, năng lực siêu phàm và thông tuệ vô biên làm tan biến mọi cảm giác. Khi đã đến ngưỡng “đại giác” thì người Ấn gọi bằng danh xưng *Muni*.

Tóm lại, pho tượng đồng “người quỳ” mà BTL SVN-TPHCM đang lưu giữ đã có căn cứ để gọi là tượng Yogi hoặc có thể gọi là *tượng người tu hành* hay tượng *tu sĩ* thuộc chủng tộc Mund ở Ấn Độ đang trong quá trình tôi luyện để trở nên “đại giác”. Trên thực tế hiện nay ở quốc gia này vẫn còn nhiều người sùng tín Yoga, có người đạt tới khả năng cuộn tròn thân thể sống vài tháng trong một quả cầu chân không đường kính chỉ bằng 1/3 chiều cao cơ thể và khi tu luyện nhiều người vẫn theo truyền thống tối cổ của tổ tiên là *chỉ quấn một mảnh vải che thân dưới và để hở rốn* như TS Võ Sĩ Khải mô tả.

Trước một tác phẩm nghệ thuật, mỗi người có một lăng kính khác nhau rồi từ đó đưa ra những nhận định riêng. Nếu coi di vật Ốc Eo kể trên là tượng người quỳ, là kẻ nô lệ, tôi đòi thì đúng là tác phẩm nghệ thuật này phản ánh thực trạng xã hội ở đồng bằng Cửu Long xưa - nơi chỉ cần gieo lúa một lần gặt được ba vụ, nơi có cảng thị giao thương sầm uất trở thành trung tâm kết nối liên vùng... nhưng vẫn có những cư dân đói khát “bò lè” trong một tư thế cực kỳ khó khăn, không phải ai cũng làm được để ăn xin. Giá trị hiện thực của tác phẩm là ở chỗ đó và nhận định này được sự tán thành của Pierre-Yves Manguin khi ông ta nói “...đã có bằng chứng về sự phát triển buôn bán nô lệ ở Việt Nam...” (dã dẫn) vào những thế kỷ đầu Công nguyên. Nhưng nếu cho rằng đó là *tượng tu sĩ* thì dù cố gắng vận dụng trí tưởng tượng cũng không thể nhận ra nét mặt “*hèn mọn và đau khổ*” theo xúc cảm của TS Võ Sĩ Khải và dáng người của nhân vật cũng chẳng thể gọi là “*thô đậm*” như hình dung của L. Malleret. Mà trái lại còn vỡ lẽ ra một điều là thời bấy giờ đồng bằng Cửu Long chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ nên dung chứa không chỉ những di vật liên quan đến Phật giáo, Hindu giáo mà còn có cả những tác phẩm nghệ thuật đậm đà màu sắc trường phái triết học khác. Bởi lẽ pho tượng đồng Ốc Eo này chưa chắc đã là cá biệt, mà cả pho tượng võ sĩ (*Ảnh 6a, 6b* - cũng bằng đồng) trong thao tác “*mở háng*” rất khó cũng có thể là một trong những tư thế tu luyện Yoga. Suy đoán này chưa chắc đã là khiên cưỡng còn vì hai chi tiết: cả hai pho tượng (*Ảnh 6a, 6b và ảnh 7*) đều có mảnh vải quấn phần thân dưới, để hở rốn và thùy châu dài tới tận cằm. Thùy châu dài biểu thị sự *trường* (thọ) *tồn* thường được thể

hiện trên các tác phẩm điêu khắc, hội họa Đức Phật và các vị Bồ Tát. Vậy thì phải chăng cùng xuất xứ ở Ấn Độ nhưng không chỉ riêng hình ảnh các vị thần Hindu giáo mà ngay đến cả hình tượng tu sĩ Yoga cũng thu nhận cả những đặc trưng riêng của Phật giáo?

Qua bài viết này, bạn đọc đã khảo sát bốn *tượng đẹt bằng hợp kim chì-thiếc* (do đúc mà có) lần đầu tiên được biết tới và được cho là chúng đều mang dấu ấn văn hóa La Mã, đồng thời sẽ phân xét ý kiến cho rằng đã có ít nhất *hai pho tượng tròn bằng đồng* (không phải do đúc khuôn) là hình nhân tu luyện Yoga. Nếu lý giải của người viết là khả dĩ, vô hình trung sẽ phát sinh một... hệ lụy khác đó là Pierre-Yves Manguin cho rằng niên đại “tượng người quỳ” vào thế kỷ thứ III đến V (tài liệu đã dẫn) và BTLSVN TPHCM ghi chú niên đại vào thế kỷ VI⁽⁶⁾ có lẽ không đúng. Là vì về *phong cách* thì pho tượng mang đặc điểm chủng tộc Mund ở Ấn Độ thời thượng cổ lại thêm phục trang bằng vải quấn, chứ chưa phải bằng quần, áo nên rất có khả năng nó được làm ra vào trước Công nguyên. Và cũng lại là một vấn đề nan giải nữa nếu phải tìm lời đáp cho câu hỏi: Ai là tác giả của hai tác phẩm nghệ thuật độc đáo kể trên?

Thang 3/2009

P H T B

Kỳ sau: Đầu tượng hài nhi bằng đồng đỏ và phù điêu cây đào lộn hột

CHÚ THÍCH

- (1) Võ Sĩ Khải. “Văn hóa Óc Eo sáu mươi năm nhìn lại”, *Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam*, Kỷ yếu hội thảo khoa học nhân 60 năm phát hiện văn hóa Óc Eo (1944 - 2004), Nxb Thế giới, 2008, tr.34-67.
- (2) Nguyễn Phi Hoanh. *Một số nền mỹ thuật thế giới*, Nxb Văn hóa, 1978, tr.45.
- (3) L.I. Venetxki (Lê Mạnh Chiến dịch). *Kể chuyện kim loại*, Nxb KHKT Hà Nội-Nxb Mir Maxcova, 1989, tr.240-248.
- (4) *Lịch sử thế giới thời cổ đại*. Nxb TP Hồ Chí Minh, 2002, tr.340-508.
- (5) Nguyên văn: “*Kneeling Figure - This figure depicted in an usually deep kneeling posture, supported by the left hand on the ground and the right hand with a flattened palm out-stretched as if making an offering. Malleret thought that the broad features, curly hair and the use of a loin cloth might denote a slave from one of the ethnic minorities. Whilst there is evidence for a thriving trade in slaves later on in Vietnam, it is difficult to say more about the significance of this figure. Although not of high quality, bronze - casting was a high skilled art that required substantial resources and was usually employed to produce images of some importance...*”. Pierre-Yves Manguin (Phạm Hy Bách dịch). *Funan and the Archaeology of the Mekong River Delta*, Singapore, 2008, page 64.
- (6) *Cổ vật tiêu biểu tại Thành phố Hồ Chí Minh*. Sở VH TT TP Hồ Chí Minh, 2005, tr.161.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại*. Doãn Chính, Nxb Thanh niên, 1999.
2. *Những nền văn minh thế giới*. Shigie Congshu, Nxb Văn học, 2004.
3. *Trí tuệ phương Đông*. C.Scott Littleton, Nxb Văn hóa-Thông tin, 2003.
4. *Mỹ thuật Ấn Độ*. Roy C Craven, Nxb Mỹ thuật, 2005.

5. *Lịch sử văn minh Ấn Độ*. Will Durant, Nxb Văn hóa-Thông tin, 2003.
6. *Ấn Độ qua các thời đại*. Nguyễn Thừa Hỷ, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1986.
7. *Bán đảo Ấn Độ từ khởi thủy đến đầu thế kỷ XVI*. Phạm Cao Dương, Nxb Lửa thiêng (Sài Gòn), 1970.

TÓM TẮT

Trong bài viết này tác giả giới thiệu bốn pho tượng dẹt bằng hợp kim chì - thiếc của di chỉ Ba Thê (An Giang) bao gồm hai tượng người cưỡi ngựa (tác giả chứng minh là tượng chiến binh La Mã thổi kèn và chiến binh La Mã xung trận), một tượng võ sĩ (tác giả chứng minh là tượng võ sĩ giác đấu) và tượng con tuần lộc, một loài thú rất phổ biến ở Bắc Âu.

Về pho tượng tròn *bằng đồng* tư thế người quỳ do L. Malleret tìm thấy năm 1944 hiện do Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh lưu giữ thì tác giả đưa ra một số ý kiến chứng minh đó là tư thế của người luyện Yoga chứ không phải tư thế người đang quỳ gối để xin ăn như một số nhà khảo cổ học trong và ngoài nước nhận định. Đồng thời tác giả giới thiệu thêm một pho tượng đồng khác cũng của di chỉ Ba Thê để minh họa cho ý kiến của mình rằng xưa kia do chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ nên đồng bằng Cửu Long không chỉ có những di vật liên quan đến Phật giáo, Hindu giáo mà còn có cả những tác phẩm nghệ thuật mang màu sắc triết lý Yoga.

ABSTRACT

A STUDY ON THE ANTIQUITIES IN THE MEKONG DELTA

PART III: ANTIQUE CARVINGS AND SCULPTURE

Article 7: SOME HUMAN STATUES MADE OF LEAD AND COPPER

In this article the author introduces four bas-reliefs made of an alloy of lead and tin which originate from the historical site Ba Thê (An Giang). These include two equestrian bas-reliefs (the author proves that these two depict a Roman soldier blowing his horn and another charging at the enemy in a battle), a work depicting a fighter (the author again proves this is a gladiator) and another of a reindeer, a kind of animals very popular in Northern Europe.

As to the copper statue of a man in the kneeling posture found by L. Malleret in 1944 (Now kept in the History Museum of Vietnam in HCMC) the author argues that this is the statue of a yogi in his practice, not a beggar kneeling to entreat help from others as was asserted by some Vietnamese and foreign archaeologists. Furthermore, he introduces another copper statue, also from Ba Thê, to demonstrate his opinion that since in the old days the Mekong Delta underwent the influence of the Indian culture, the place not only retains antique relics related to Hinduism and Buddhism, but also artistic works bearing the imprint of yoga.